

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: 46/2005/NĐ-CP

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2005

**NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Vị trí, chức năng của Thanh tra Xây dựng

Thanh tra Xây dựng được tổ chức thành hệ thống ở Trung ương là Thanh

tra Bộ Xây dựng (sau đây gọi tắt là Thanh tra Bộ) và ở địa phương là Thanh tra Sở Xây dựng (sau đây gọi tắt là Thanh tra Sở); thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về: xây dựng, vật liệu xây dựng, nhà ở và công sở, kiến trúc, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng của Thanh tra Xây dựng

1. Tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của cơ quan quản lý nhà nước về Xây dựng.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia hoạt động xây dựng trong và ngoài nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Thanh tra Xây dựng

1. Hoạt động Thanh tra Xây dựng phải tuân theo pháp luật, bảo đảm chính xác, trung thực, khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời; không làm cản trở đến hoạt động bình thường của tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.

2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên và các thành viên đoàn thanh tra phải tuân theo đúng quy định của pháp luật về thanh tra, Nghị định này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi và quyết định của mình.

Điều 4. Mọi quan hệ của Thanh tra Xây dựng

1. Thanh tra Bộ Xây dựng chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

2. Thanh tra Sở chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Sở; chịu sự hướng dẫn về công tác, nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và về công tác, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ.

3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thanh tra Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan khác trong việc thực hiện thanh

tra và phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan khác trong hoạt động của Thanh tra Xây dựng

Thủ trưởng các cơ quan công an, cơ quan thanh tra chuyên ngành và các cơ quan, tổ chức liên quan khác trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra Xây dựng trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động xây dựng.

Điều 6. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động của Thanh tra Xây dựng

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Thanh tra Xây dựng trong phạm vi quản lý của Bộ; kiện toàn tổ chức bộ máy của Thanh tra Bộ; trang bị cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật, trang phục và các điều kiện khác phục vụ hoạt động thanh tra; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bộ theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có trách nhiệm tổ chức, kiện toàn tổ chức, trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, trang phục cho Thanh tra Sở.

3. Giám đốc Sở Xây dựng có trách

nhiệm chỉ đạo và đảm bảo điều kiện hoạt động cho Thanh tra Sở; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Sở theo quy định của pháp luật.

Chương II

HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA THANH TRA XÂY DỰNG

Điều 7. Hệ thống tổ chức của Thanh tra Xây dựng

1. Hệ thống tổ chức của Thanh tra Xây dựng bao gồm:

- a) Thanh tra Bộ Xây dựng;
- b) Thanh tra Sở Xây dựng.

2. Các tổ chức Thanh tra Xây dựng có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 8. Thanh tra Bộ Xây dựng

1. Thanh tra Bộ Xây dựng là cơ quan trực thuộc Bộ Xây dựng, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Thanh tra Bộ Xây dựng có các Phòng trực thuộc do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định thành lập.

2. Thanh tra Bộ Xây dựng có Chánh thanh tra, các Phó Chánh thanh tra và các Thanh tra viên.

Chánh thanh tra do Bộ trưởng Bộ Xây dựng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra; các Phó Chánh thanh tra, Thanh tra viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định cụ thể về tổ chức, biên chế, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ Xây dựng.

Điều 9. Thanh tra Sở Xây dựng

1. Thanh tra Sở Xây dựng là cơ quan trực thuộc Sở Xây dựng, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Thanh tra Sở có Chánh thanh tra, Phó Chánh thanh tra và Thanh tra viên. Chánh Thanh tra Sở do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Chánh thanh tra tỉnh; các Phó Chánh thanh tra, Thanh tra viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể về tổ chức, biên chế và hoạt động của Thanh tra chuyên ngành xây dựng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ.

*Chương III***NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA
THANH TRA XÂY DỰNG****Mục 1. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA
THANH TRA BỘ XÂY DỰNG**

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ Xây dựng

1. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành; kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về xây dựng.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ đối với các tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra chuyên ngành Xây dựng theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

4. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ hành vi trái pháp luật của tổ chức, cá nhân khi có đủ căn cứ xác định hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

6. Giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

8. Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ về thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra Sở; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ thực hiện quy định của pháp luật về công tác thanh tra.

9. Báo cáo định kỳ, báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra với Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Tổng thanh tra.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Xây dựng giao.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Bộ trưởng quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Trình Bộ trưởng quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập các đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên, trưng tập Cộng tác viên thanh tra

0963790

thực hiện thanh tra theo quy định của pháp luật.

5. Kiến nghị Bộ trưởng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Xây dựng khi có căn cứ cho rằng các quyết định đó trái pháp luật hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động thanh tra.

6. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

7. Kiến nghị Bộ trưởng xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng; phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, tổ chức trong việc xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức đó.

8. Kiến nghị Bộ trưởng giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Tổng thanh tra.

9. Lãnh đạo Thanh tra Bộ Xây dựng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA SỞ XÂY DỰNG

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở Xây dựng

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách,

pháp luật, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Giám đốc Sở.

2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra chuyên ngành Xây dựng theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

3. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Thanh tra vụ, việc khác do Giám đốc Sở Xây dựng giao.

5. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

6. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về chống tham nhũng.

7. Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc quyền quản lý của Giám đốc Sở Xây dựng thực hiện quy định của pháp luật về công tác thanh tra; hướng dẫn và nghiệp vụ thanh tra cho Thanh tra viên.

8. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Xây dựng với các cơ quan quản lý theo quy định.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh thanh tra Sở Xây dựng

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Sở Xây dựng.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Giám đốc Sở Xây dựng quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Giám đốc Sở Xây dựng quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Trình Giám đốc Sở Xây dựng quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập các đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên, trưng tập Cộng tác viên thanh tra thực hiện việc thanh tra theo quy định của pháp luật.

5. Kiến nghị Giám đốc Sở Xây dựng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở Xây dựng khi có căn cứ cho rằng các quyết định đó trái pháp luật hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động thanh tra; kiến nghị Giám đốc Sở Xây dựng xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Sở Xây dựng.

6. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

7. Kiến nghị Giám đốc Sở Xây dựng giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo

Chánh thanh tra tỉnh, đồng thời báo cáo Chánh thanh tra Bộ Xây dựng.

8. Lãnh đạo cơ quan Thanh tra Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Mục 3. THANH TRA VIÊN XÂY DỰNG, CÔNG TÁC VIÊN THANH TRA XÂY DỰNG

Điều 14. Thanh tra viên Xây dựng

1. Thanh tra viên Xây dựng là người được phân công làm công tác thanh tra tại các tổ chức Thanh tra Xây dựng, được bổ nhiệm, miễn nhiệm và cấp thẻ Thanh tra viên theo tiêu chuẩn Thanh tra viên do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Thanh tra viên Xây dựng phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sau khi thống nhất với Tổng thanh tra và Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Khi thực hiện công tác thanh tra, Thanh tra viên Xây dựng có các nghĩa vụ, quyền hạn sau:

a) Thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này và các nghĩa vụ khác của Luật Thanh tra;

b) Thực hiện quyền hạn quy định tại Điều 40, Điều 50 của Luật Thanh tra và các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Cộng tác viên Thanh tra Xây dựng

1. Cộng tác viên Thanh tra Xây dựng là người được Thanh tra Xây dựng trưng tập để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

2. Việc trưng tập, tiêu chuẩn, chế độ, trách nhiệm của Cộng tác viên Thanh tra Xây dựng theo quy định của pháp luật.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA XÂY DỰNG

Điều 16. Nội dung thanh tra hành chính

1. Thanh tra đối với tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

Điều 17. Nội dung thanh tra chuyên ngành Xây dựng

Thanh tra đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động xây dựng:

1. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt

dự án đầu tư xây dựng công trình, tổng mức đầu tư;

2. Công tác giải phóng mặt bằng xây dựng; điều kiện khởi công xây dựng công trình;

3. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán, dự toán công trình; công tác khảo sát xây dựng;

4. Việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng;

5. Công tác lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng;

6. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng; nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng; thanh, quyết toán công trình;

7. Điều kiện, năng lực hoạt động xây dựng của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, nhà thầu tư vấn xây dựng và nhà thầu thi công xây dựng công trình và các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật;

8. Việc thực hiện an toàn lao động, bảo vệ tính mạng con người và tài sản; phòng chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường trong công trường xây dựng;

9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng; nội dung quy hoạch xây dựng, thẩm quyền lập, thẩm định và phê duyệt, điều chỉnh và thực hiện, quản lý xây dựng theo quy hoạch;

10. Việc lập và tổ chức thực hiện các định hướng phát triển nhà; các chương trình, dự án phát triển các khu đô thị mới; việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng nhà và việc quản lý, sử dụng công sở;

11. Việc lập và tổ chức thực hiện định hướng, quy hoạch, kế hoạch chương trình, dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, tình hình khai thác, quản lý, sử dụng các công trình gồm: hệ, đường đô thị, cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường, rác thải đô thị, nghĩa trang, chiếu sáng, công viên cây xanh, bãi đỗ xe trong đô thị, công trình ngầm và các công trình kỹ thuật hạ tầng khác trong đô thị;

12. Việc thực hiện quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng và việc quản lý chất lượng vật liệu xây dựng đưa vào công trình;

13. Việc thực hiện các quy định khác của pháp luật về hoạt động xây dựng.

Điều 18. Hình thức thanh tra

1. Hoạt động thanh tra được thực hiện dưới hình thức thanh tra theo chương trình, kế hoạch và thanh tra đột xuất.

2. Thanh tra theo chương trình kế hoạch được tiến hành theo chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu

của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

Điều 19. Phương thức hoạt động thanh tra

1. Việc thanh tra được thực hiện theo phương thức Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên độc lập.

2. Đoàn thanh tra và Thanh tra viên hoạt động theo quy định của Luật Thanh tra.

3. Khi tiến hành thanh tra phải có quyết định của Thủ trưởng cơ quan Thanh tra Xây dựng hoặc cơ quan quản lý nhà nước.

4. Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và người ra quyết định thanh tra về quyết định và biện pháp xử lý của mình.

5. Khi xử lý vi phạm, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên phải thực hiện đầy đủ trình tự theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Quyền, nghĩa vụ của đối tượng thanh tra

1. Quyền của đối tượng thanh tra:

a) Giải trình về những vấn đề có liên quan đến nội dung thanh tra;

b) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước khi pháp luật có quy định và các thông tin, tài liệu không liên quan đến nội dung thanh tra;

c) Khiếu nại với người ra quyết định thanh tra về quyết định, hành vi của Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên và các thành viên khác của đoàn thanh tra trong quá trình thanh tra khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật; khiếu nại với Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra khi có căn cứ cho rằng kết luận đó là trái pháp luật. Trong khi chờ giải quyết, người khiếu nại phải thực hiện các quyết định đó;

d) Yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

đ) Cá nhân là đối tượng thanh tra có quyền tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên và các thành viên khác của đoàn thanh tra.

2. Nghĩa vụ của đối tượng thanh tra:

a) Chấp hành quyết định thanh tra;

b) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, đoàn thanh tra, Thanh tra viên và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp;

c) Chấp hành các yêu cầu, kết luận thanh tra, quyết định xử lý của Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Trưởng đoàn

thanh tra, Thanh tra viên và Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương V

CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 21. Cơ sở vật chất kỹ thuật

1. Các tổ chức Thanh tra Xây dựng được trang bị về: trụ sở; phương tiện; trang thiết bị kỹ thuật; trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu.

Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu tương tự, gây sự nhầm lẫn với Thanh tra Xây dựng.

2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định cụ thể về:

a) Phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật của Thanh tra Xây dựng;

b) Trang phục, phù hiệu, biển hiệu, cấp hiệu của Thanh tra Xây dựng sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra.

Điều 22. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Thanh tra Xây dựng do ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng hướng dẫn về kinh phí hoạt động của Thanh tra Xây dựng.

2. Việc cấp phát, quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động Thanh tra Xây dựng được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Xử lý vi phạm

1. Người nào cản trở, đưa hối lộ, trả thù người làm nhiệm vụ thanh tra, tố cáo sai sự thật, vi phạm pháp luật về thanh tra; người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra hoặc vì động cơ cá nhân hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm mà xử lý vi phạm, kết luận không đúng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình hoạt động thanh tra, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm

đình chỉ hoặc đình chỉ hoạt động đối với Thanh tra viên Xây dựng.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bãi bỏ các quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 46 của Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan hướng dẫn việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải